

Họ và tên:số báo danh:.....

Câu 1. Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì từ sự phát triển của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai để đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước?

- A. Phát triển kinh tế hàng hóa vận động theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- B. Tận dụng tốt các yếu tố từ bên ngoài để thúc đẩy sự phát của đất nước.
- C. Khai thác triệt để và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- D. Bảo vệ thị trường nội địa bằng việc hạn chế tư bản nước ngoài đầu tư.

Câu 2. Thắng lợi ở Môđambích và Ănggôla đã đánh đổ ách thống trị

- A. thực dân Tây Ban Nha.
- B. thực dân Bồ Đào Nha.
- C. thực dân Pháp.
- D. thực dân Anh

Câu 3. Mĩ bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào thời gian nào và dưới thời tổng thống nào?

- A. Năm 1995 và B. Clinton.
- B. Năm 1995 và G. Busơ (cha).
- C. Năm 1995 và Ri gân.
- D. Năm 1995 và G. Busơ (con).

Câu 4. Liên minh quân sự lớn nhất do Mĩ đứng đầu chống lại Liên Xô và các nước Đông Âu là

- A. ANZUS.
- B. NATO.
- C. SEATO.
- D. CENTO.

Câu 5. Đến cuối thập kỷ 90 của thế kỷ XX, EU trở thành tổ chức liên kết lớn nhất hành tinh về

- A. quân sự - kinh tế.
- B. quân sự - chính trị.
- C. chính trị - kinh tế.
- D. văn hóa, khoa học - kỹ thuật.

Câu 6. Để nhận được viện trợ của Mĩ các nước Tây Âu phải

- A. liên kết lại với nhau.
- B. đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân, nhân dân lao động.
- C. tuân theo những điều kiện do Mĩ đặt ra.
- D. sử dụng viện trợ của Mĩ vào việc phát triển kinh tế.

Câu 7. Trong thập niên 80 của thế kỉ XX, chính sách đối ngoại nổi bật nhất của các nước Tây Âu là

- A. ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới.
- B. ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc thế giới.
- C. mở rộng quan hệ đối ngoại với nhiều nước.
- D. liên minh chặt chẽ với Mĩ.

Câu 8. Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh chấm dứt và trật tự hai cực Ianta tan rã, Mĩ muốn thiết lập một trật tự thế giới

- A. đơn cực.
- B. đa cực.
- C. toàn cầu.
- D. đa trung tâm.

Câu 9. Ngày 8/9/1951, Nhật Bản kí kết với Mĩ hiệp ước nào dưới đây?

- A. Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật.
- B. Hiệp ước chạy đua vũ trang.
- C. Hiệp ước liên minh Mĩ - Nhật.
- D. Hiệp ước phòng thủ chung Đông Nam Á.

Câu 10. Sự kiện khởi đầu chính sách chống Liên Xô gây lên tình trạng Chiến tranh lạnh của Mĩ là

- A. Cộng hòa Liên bang Đức gia nhập NATO và tổ chức VASAVA được kí kết.
- B. Mĩ đề ra kế hoạch Mácsan.
- C. Cộng hòa Liên bang Đức được kết nạp vào khối NATO.
- D. Thông điệp của Tổng thống Mĩ Truman gửi tới Quốc hội ngày 12 – 3 - 1947.

Câu 11. Đặc điểm nổi bật nhất phản ánh sự phát triển về khoa học – kỹ thuật của Nhật Bản là

- A. mua bằng phát minh sáng chế của nước khác.
- B. dẫn đầu thế giới về số lượng bằng phát minh sang chế.
- C. chi phí đầu tư nghiên cứu khoa học cao.
- D. xây dựng nhiều công trình hiện đại trên mặt biển và dưới đáy biển.

Câu 12. Nền tảng chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ năm 1951 đến năm 2000 là

- A. liên minh chặt chẽ với Mỹ.
- B. cải thiện quan hệ với Liên Xô.
- C. hướng mạnh về Đông Nam Á.
- D. hướng về các nước châu Á.

Câu 13. Trong 20 năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ trở thành

- A. trung tâm kinh tế - tài chính số một thế giới.
- B. nước có nền công nghiệp phát triển nhất thế giới.
- C. trung tâm khoa học - kĩ thuật lớn nhất thế giới.
- D. nơi tập trung nhiều tập đoàn công nghiệp, quân sự.

Câu 14. Chiến tranh lạnh kết thúc đã tác động như thế nào tới quan hệ giữa Việt Nam và các nước ASEAN?

- A. Làm gay gắt thêm sự đối đầu giữa Việt Nam và ASEAN.
- B. Chuyển quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN sang thế đối đầu.
- C. Thúc đẩy xu thế đối thoại, hợp tác giữa Việt Nam với ASEAN.
- D. Cùng cố hơn nữa sự đoàn kết, hợp tác giữa Việt Nam và ASEAN.

Câu 15. Năm 1993, tại Nam Phi diễn ra sự kiện gì?

- A. Nê-xơn Măng-đê-la trở thành tổng thống người da đen đầu tiên.
- B. Hiến pháp chính thức xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc.
- C. Nam Phi thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân.
- D. Nhân dân Nam Phi đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc (Apartheid).

Câu 16. Sự xác lập cục diện 2 cực tạo nên bởi

- A. “Kế hoạch Mác-san” và sự ra đời của khối quân sự NATO.
- B. Học thuyết Truman của Mỹ.
- C. chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ.
- D. sự thành lập khối quân sự NATO và hiệp ước Vác-sava.

Câu 17. Nội dung nào sau đây **không phải** là biểu hiện của xu thế hòa hoãn Đông – Tây?

- A. Hiệp ước ABM, hiệp định SALT-1(1972) giữa Mỹ và Liên Xô.
- B. Định ước Hensin-xki(1975).
- C. Học thuyết Truman (3/1947).
- D. Hiệp định về những cơ sở quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức(1972).

Câu 18. Mục tiêu cơ bản của Mỹ trong chiến lược “Cam kết và mở rộng” là gì?

- A. Khống chế các nước đồng minh phụ thuộc Mỹ.
- B. Bảo đảm an ninh của Mỹ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.
- C. Ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ xã hội chủ nghĩa.
- D. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc và cộng sản quốc tế.

Câu 19. Thắng lợi của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đã tác động như thế nào đến sự phát triển của quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Từng bước làm sứt mẻ trật tự hai cực Ianta.
- B. Thu hẹp phạm vi ảnh hưởng của Mỹ và các nước Tây Âu.
- C. Làm thất bại hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mỹ.
- D. Buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh lạnh với Liên Xô.

Câu 20. Từ những năm 70 (thế kỉ XX) đến nay, cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật diễn ra chủ yếu về

- A. lĩnh vực kinh tế.
 - B. lĩnh vực kĩ thuật.
 - C. lĩnh vực công nghệ.
 - D. lĩnh vực khoa học.
- Câu 21. Trước khi lệ thuộc vào Mỹ, các nước Mỹ Latinh là thuộc địa của
- A. Hà Lan, Pháp.
 - B. Anh, Pháp.
 - C. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.
 - D. Tây Ban Nha, Anh.

Câu 22. Điểm tương đồng trong quá trình ra đời của hai tổ chức: Liên minh châu Âu (EU) và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là gì?

- A. Xuất phát từ nhu cầu liên kết, hợp tác để cùng nhau phát triển.
- B. Nhằm hạn chế ảnh hưởng của Mĩ và Trung Quốc vào khu vực.
- C. Các nước Đồng minh đều là chiến lược của Liên Xô.
- D. Chịu tác động trực tiếp từ các quyết định của Hội nghị Ianta.

Câu 23. Nguồn gốc mâu thuẫn Đông - Tây là

- A. đối lập giữa nền văn hóa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ.
- B. đối lập về mục tiêu chiến lược và sức mạnh quân sự giữa Liên Xô và Mĩ.
- C. đối lập về sức mạnh quân sự và văn hóa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ.
- D. đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ.

Câu 24. Điểm khác biệt về hệ quả giữa cách mạng khoa học - kĩ thuật nửa sau thế kỉ XX với cách mạng công nghiệp ở thế kỉ XVIII là

- A. đưa đến nhiều phát minh quan trọng.
- B. đưa đến xu thế toàn cầu hóa.
- C. chủ yếu diễn ra trên lĩnh vực kĩ thuật.
- D. thúc đẩy sản xuất phát triển.

Câu 25. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã tập trung nguồn lực để phát triển lĩnh vực nào sau đây?

- A. Kinh tế.
- B. Giáo dục.
- C. Quân sự.
- D. Khoa học - kĩ thuật.

Câu 26. Nguyên nhân cơ bản nhất thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Tây Âu từ 1950 - 1973 là

- A. thu hút đầu tư nước ngoài.
- B. sự điều hành có hiệu quả của nhà nước.
- C. nhận viện trợ của Mĩ.
- D. áp dụng thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật.

Câu 27. Năm 1967, các nước Tây Âu thành lập tổ chức nào?

- A. "Cộng đồng kinh tế châu Âu".
- B. "Cộng đồng châu Âu".
- C. "Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu".
- D. "Cộng đồng than - thép châu Âu".

Câu 28. Các tập đoàn như: Apple, Samsung, Microsoft, Facebook... cho ta thấy biểu hiện nào của xu thế toàn cầu hóa?

- A. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
- B. Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.
- C. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- D. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính khu vực và quốc tế.

Câu 29. Trong thập kỉ 70 của thế kỉ XX, nền kinh tế Mĩ bị suy thoái nghiêm trọng là vì

- A. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.
- B. các nước đồng minh không có khả năng trả nợ cho Mĩ.
- C. Mĩ đã tham gia nhiều cuộc chiến tranh trên thế giới.
- D. các nước Mĩ Latinh giành độc lập, Mĩ mất thị trường tiêu thụ.

Câu 30. Từ đầu những năm 70, cùng với Mĩ và Tây Âu, Nhật Bản đã vươn lên trở thành một trong ba trung tâm

- A. liên kết kinh tế, tài chính lớn của thế giới.
- B. công nghiệp, quốc phòng lớn của thế giới.
- C. kinh tế, tài chính lớn của thế giới.
- D. giáo dục, khoa học - kĩ thuật lớn nhất thế giới.

Câu 31. Mục tiêu nào sau đây *không* thuộc chiến lược toàn cầu của Mĩ?

- A. Giúp đỡ các nước đồng minh phát triển kinh tế.
- B. Ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

- C. Đàn áp các phong trào cách mạng trên thế giới.
D. Không chế, chỉ phối các nước đồng minh của Mĩ.
- Câu 32.** Điểm khác nhau trong nguyên nhân dẫn đến sự phát triển kinh tế của Nhật với Tây Âu là
A. áp dụng khoa học - kĩ thuật vào sản xuất.
B. chi phí quốc phòng thấp.
C. vai trò quản lí điều tiết của nhà nước có hiệu quả.
D. tận dụng nguồn viện trợ bên ngoài.
- Câu 33.** Từ năm 1973 – 1991, kinh tế nước Tây Âu
A. suy thoái, khủng hoảng, không ổn định.
B. ổn định.
C. tăng trưởng nhanh.
D. ổn định, phát triển.
- Câu 34.** Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ 2 có điểm tương đồng về
A. quy mô, mức độ.
B. kết quả cuối cùng.
C. đối tượng đấu tranh.
D. hình thức đấu tranh.
- Câu 35.** Liên minh châu Âu (EU) được thành lập trên cơ sở chủ yếu nào?
A. Do ảnh hưởng của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật.
B. Do sự gần gũi về vị trí địa lý, văn hóa và trình độ phát triển kinh tế không cách biệt quá lớn.
C. Do nhu cầu mở rộng thị trường.
D. Do nhu cầu hợp tác để cùng nhau phát triển.
- Câu 36.** Điểm tương đồng trong chính sách phục hồi đất nước của Nhật Bản và các nước Tây Âu những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?
A. Đề ra và thực hiện các kế hoạch Nhà nước 5 năm.
B. Giải tán các công ti, xí nghiệp, tập đoàn tư bản lớn.
C. Dựa vào nguồn viện trợ của Mĩ để phục hồi đất nước.
D. Khai thác triệt để nguồn lợi từ các nước thuộc địa.
- Câu 37.** Quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng, tác động, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới được gọi là
A. quá trình công nghiệp hóa.
B. Xu thế toàn cầu hóa.
C. quá trình tư bản hóa.
D. quá trình hiện đại hóa.
- Câu 38.** Điều *không phải* là nguyên nhân thúc đẩy nền kinh tế Mĩ phát triển sau Chiến tranh thế giới thứ hai?
A. Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú.
B. Các tổ hợp công nghiệp, các công ti có sức sản xuất cạnh tranh cao.
C. Lợi dụng chiến tranh để làm giàu.
D. Tận dụng nguồn viện trợ từ bên ngoài.
- Câu 39.** Đặc điểm nổi bật của trật tự thế giới mới được hình thành trong những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) là
A. một trật tự thế giới hoàn toàn do chủ nghĩa tư bản thao túng.
B. một trật tự thế giới được thiết lập trên cơ sở các nước tư bản thắng trận áp đặt quyền thống trị đối với các nước bại trận.
C. một trật tự thế giới có sự phân cực giữa hai phe xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.
D. một trật tự thế giới hoàn toàn do chủ nghĩa xã hội thao túng.
- Câu 40.** Cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở Mĩ La tinh, biến châu lục này thành
A. “Đại lục mới trỗi dậy”.
B. “Đại lục bùng cháy”.
C. “Lục địa bùng cháy”.
D. “Lục địa mới trỗi dậy”.

----- HẾT -----

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC

Họ và tên học sinh: Lớp: **Mã đề 121**

Câu 41. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Thực vật, động vật, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm ở trên đảo?

- A. Côn Đảo. B. Núi Chúa.
C. Mũi Cà Mau. D. Kon Ka Kinh.

Câu 42. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta ảnh hưởng trực tiếp và rõ rệt nhất đến hoạt động sản xuất nào sau đây?

- A. Giao thông vận tải. B. Nông nghiệp.
C. Công nghiệp. D. Du lịch.

Câu 43. Biên độ nhiệt năm ở phía Bắc cao hơn ở phía Nam, chủ yếu vì phía Bắc

- A. có địa hình cao hơn. B. có một mùa đông lạnh.
C. có địa hình thấp. D. có gió phơn Tây Nam.

Câu 44. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết dãy núi nào sau đây không có hướng tây bắc - đông nam?

- A. Pu Đen Đinh. B. Trường Sơn Bắc.
C. Đông Triều. D. Hoàng Liên Sơn.

Câu 45. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết hồ Thác Bà thuộc lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

- A. Mê Công. B. Thái Bình. C. Đồng Nai. D. Hồng.

Câu 46. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NĂM 2015 (Đơn vị: %)

Nước	Việt Nam	Thái Lan	Campuchia
Nông - lâm - ngư nghiệp	17	9,1	28,3
Công nghiệp - xây dựng	33,3	35,8	29,4
Dịch vụ	39,7	55,2	42,3

(Nguồn: Niên giám thống kê thế giới năm 2016, NXB Thống kê 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia Đông Nam Á, năm 2015, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Kết hợp. B. Cột. C. Miền. D. Tròn.

Câu 47. Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là

- A. cây chịu hạn, rụng lá theo mùa. B. động thực vật cận nhiệt đới.
C. động thực vật nhiệt đới. D. cây lá kim và thú có lông dày.

Câu 48. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quyết định bởi

- A. ảnh hưởng của biển Đông rộng lớn. B. vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến.
C. chuyển động biểu kiến của Mặt Trời. D. ảnh hưởng sâu sắc hoàn lưu gió mùa.

Câu 49. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết hồ Yaly thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Sông Thu Bồn. B. Sông Ba.
C. Sông Đồng Nai. D. Sông Mê Kông.

Câu 50. Thành phần loài nào sau đây không thuộc cây nhiệt đới?

- A. Đỗ Quyên. B. Dầu. C. Đậu. D. Dâu tằm.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có biên độ nhiệt trong năm cao nhất?

- A. Hà Nội. B. TP. Hồ Chí Minh.
C. Nha Trang. D. Cà Mau.

Câu 52. Khí hậu miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có đặc điểm nào sau đây?

- A. Khô hạn quanh năm. B. Nóng, ẩm quanh năm.
C. Tính chất cận xích đạo. D. Tính chất ôn hòa.

Câu 53. Vùng nào sau đây có dãy núi 3 đai cao?

- A. Đông Bắc. B. Trường Sơn Nam.
C. Tây Bắc. D. Trường Sơn Bắc.

Câu 54. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sông ngòi nước ta có tổng lượng nước lớn?

- A. Lượng mưa lớn và địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.
B. Lượng mưa lớn và nguồn nước bên ngoài lãnh thổ.
C. Diện tích rừng tăng lên và lượng mưa rất lớn.
D. Nhiều nơi lớp phủ thực vật ít, lượng mưa lớn.

Câu 55. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Hồng?

- A. Sông Đà. B. Sông Mã. C. Sông Cả. D. Sông Chu.

Câu 56. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA

Năm	2010	2014	2016	2017
Thịt hộp (nghìn tấn)	4,7	4,1	4,3	4,1
Nước mắm (triệu lít)	257,1	334,4	372,2	380,2
Thủy sản đóng hộp (nghìn tấn)	76,9	103,5	102,3	109,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng với sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta, giai đoạn 2010 - 2017?

- A. Thịt hộp tăng, nước mắm giảm, thủy sản đóng hộp tăng.
B. Thịt hộp tăng, nước mắm tăng, thủy sản đóng hộp giảm.
C. Thịt hộp giảm, nước mắm tăng, thủy sản đóng hộp giảm.
D. Thịt hộp giảm, nước mắm tăng, thủy sản đóng hộp tăng.

Câu 57. Đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở

- A. Trường Sơn Bắc. B. Hoàng Liên Sơn.
C. Trường Sơn Nam. D. Dãy Bạch Mã.

Câu 58. Phần lớn sông ngòi nước ta có đặc điểm ngắn và dốc chủ yếu do nhân tố nào sau đây quy định?

- A. Địa hình, sinh vật và thổ nhưỡng. B. Hình dáng lãnh thổ và khí hậu.
C. Hình dáng lãnh thổ và địa hình. D. Khí hậu và sự phân bố địa hình.

Câu 59. Biểu hiện nào sau đây **không** thể hiện sự khác nhau về khí hậu giữa hai miền Nam, Bắc?

- A. Lượng mưa. B. Số giờ nắng.
C. Lượng bức xạ. D. Nhiệt độ trung bình.

Câu 60. Gió mùa đông bắc tạo nên một mùa đông lạnh ở

- A. miền Trung. B. Tây Nguyên.
C. miền Bắc. D. miền Nam.

Câu 61. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Thực vật và động vật cho biết nước ta có mấy phân khu địa lí động vật?

- A. 6. B. 3. C. 5. D. 4.

Câu 62. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa ít nhất vào tháng II?

- A. Đồng Hới. B. Trường Sa.

C. TP Hồ Chí Minh.

D. Sa Pa.

Câu 63. Hiện tượng mưa phùn ở đồng bằng Bắc Bộ vào nửa sau mùa đông do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. gió mùa Đông Nam thổi vào.

B. nhiều sương mù.

C. gió mùa Đông Bắc đi qua biển.

D. địa hình thấp.

Câu 64. Sự phân hóa thiên nhiên của vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo chiều

A. Tây - Đông.

B. Bắc - Nam.

C. Đông - Tây.

D. Độ cao.

Câu 65. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết các vịnh biển Vân Phong, Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Quảng Ngãi.

B. Khánh Hoà.

C. Quảng Bình.

D. Quảng Ninh.

Câu 66. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Bắc?

A. Tây Nguyên.

B. Nam Bộ.

C. Đông Bắc Bộ.

D. Nam Trung Bộ.

Câu 67. Nhân tố nào sau đây là chủ yếu tạo ra sự phân hóa thiên nhiên theo vĩ độ ở nước ta?

A. Sinh vật

B. Địa hình.

C. Đất đai.

D. Khí hậu.

Câu 68. Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào) đặc trưng cho vùng khí hậu nào?

A. Cận xích đạo gió mùa

B. Cận nhiệt đới hải dương

C. Nhiệt đới lục địa khô

D. Nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh

Câu 69. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng vòng cung?

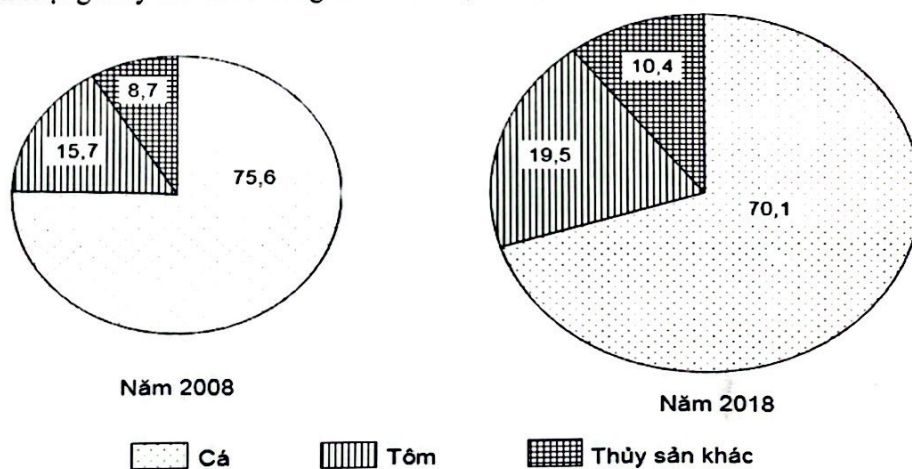
A. Sông Đà.

B. Sông Lục Nam.

C. Sông Hồng.

D. Sông Gianh.

Câu 70. Cho biểu đồ về sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta, năm 2008 và 2018:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng.

B. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng.

C. Tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản nuôi trồng.

D. Quy mô sản lượng thủy sản nuôi trồng.

Câu 71. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các nhóm và các loại đất chính, cho biết đất mặn phân bố chủ yếu ở vùng nào sau đây?

A. Duyên hải Nam Trung Bộ.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Đông Nam Bộ.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 72. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết đèo Ngang nằm ở dãy núi nào sau đây?

- A. Hoàng Sơn. B. Giảng Mản. C. Bạch Mã. D. Con Voi.

Câu 73. Nhân tố chủ yếu nào sau đây tạo nên sự phân hoá thiên nhiên theo Bắc - Nam ở nước ta?

- A. Chênh lệch về vĩ độ địa lí. B. Hoạt động của gió mùa.
C. Sự phân bậc của địa hình. D. Tác động của Biển Đông.

Câu 74. Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng chủ yếu do

- A. tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm. B. rửa trôi các chất badan dễ tan.
C. quá trình tích tụ mùn mạnh. D. quá trình phong hóa mạnh mẽ.

Câu 75. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết tuyến đường số 19 đi qua đèo nào sau đây?

- A. Đèo Cà. B. Đèo Phụng Hoàng.
C. Đèo Ngoạn Mục. D. Đèo An Khê.

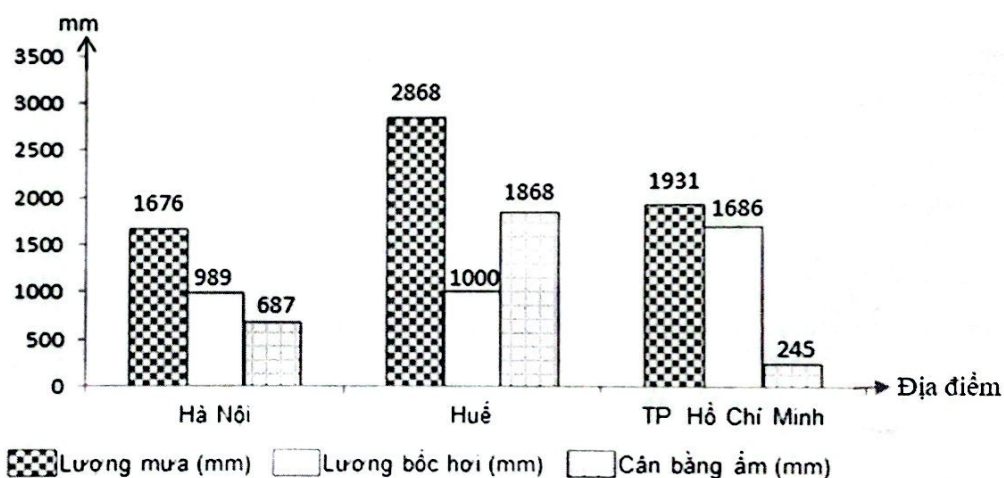
Câu 76. Tính chất của gió mùa mùa hạ là

- A. lạnh, khô. B. nóng, khô. C. lạnh, ẩm. D. nóng, ẩm.

Câu 77. Căn cứ vào atlas địa lí Việt Nam trang Thực vật, động vật, cho biết vườn quốc gia Xuân Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Sơn La. B. Phú Thọ. C. Hòa Bình. D. Vĩnh Phúc.

Câu 78. Dựa vào biểu đồ sau:



LƯỢNG MƯA, LƯỢNG BỐC HƠI VÀ CÂN BẰNG ẨM Ở MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

(Số liệu theo SGK Địa lí Việt Nam, trang 45)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **không** đúng với lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của các địa điểm trên?

- A. TP. Hồ Chí Minh có cân bằng ẩm nhỏ nhất. B. Hà Nội có cân bằng ẩm cao nhất.
C. Huế có lượng mưa nhiều nhất. D. TP. Hồ Chí Minh có lượng bốc hơi nhiều nhất

Câu 79. Gió mùa đông bắc gần như bị chặn lại ở dãy núi nào sau đây?

- A. Hoàng Sơn. B. Bạch Mã.
C. Tam Điệp. D. Hoàng Liên Sơn.

Câu 80. Nơi có sự bào mòn, rửa trôi đất đai mạnh nhất là

- A. đồng bằng. B. ô trũng. C. miền núi. D. ven biển.

.....Hết.....

(Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam)

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC

Thời gian làm bài: 50 phút (không kể thời gian giao đề)
(Đề kiểm tra gồm 4 trang)

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 121

Câu 81. Chị X là người dân tộc Dao, vừa qua chị được Nhà nước hỗ trợ tiền để mở lớp dạy múa cho con em đồng bào dân tộc mình. Việc làm này thể hiện Nhà nước đang tạo điều kiện cho các dân tộc phát triển nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Kinh tế. B. Giáo dục. C. Chính trị. D. Văn hoá.

Câu 82. Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ nhân thân?

- A. Vợ, chồng tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau.
B. Chỉ có vợ mới được quyền quyết định sử dụng biện pháp tránh thai.
C. Vợ, chồng đều có trách nhiệm chăm sóc con khi còn nhỏ.
D. Vợ, chồng bình đẳng trong việc bàn bạc, lựa chọn nơi cư trú.

Câu 83. Theo quy định của pháp luật cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con, cùng nhau thương yêu, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền

- A. lợi ích hợp pháp của con. B. danh dự, nhân phẩm của con.
C. lợi ích toàn diện của con. D. uy tín danh dự của con.

Câu 84. Đối với lao động nữ người sử dụng lao động chỉ có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động khi họ

- A. nghỉ việc không có lý do. B. kết hôn.
C. có thai. D. nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Câu 85. Khi giao kết hợp đồng lao động, cần căn cứ vào nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Tự giác, trách nhiệm, tận tâm. B. Dân chủ, công bằng, tiến bộ.
C. Tích cực, chủ động, tự quyết. D. Tự do, tự nguyện, bình đẳng.

Câu 86. Trong nội dung bình đẳng giữa cha mẹ và con, cha mẹ có nghĩa vụ

- A. chăm lo cho con khi chưa thành niên. B. nghe theo mọi ý kiến của con.
C. không phân biệt đối xử giữa các con. D. yêu thương con trai hơn con gái.

Câu 87. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình dựa trên những nguyên tắc nào sau đây?

- A. Công bằng, lắng nghe, kính trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.
B. Dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.
C. Tự do, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.
D. Chia sẻ, đồng thuận, quan tâm lẫn nhau, không phân biệt đối xử.

Câu 88. Nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong hợp tác giao lưu giữa các dân tộc

- A. các bên cùng có lợi. B. tôn trọng lợi ích của các dân tộc thiểu số.
C. bình đẳng. D. đoàn kết giữa các dân tộc.

Câu 89. Do làm ăn ngày càng có lãi, doanh nghiệp tư nhân X đã quyết định mở rộng thêm quy mô sản xuất. Doanh nghiệp X đã thực hiện quyền nào của mình dưới đây?

- A. Quyền chủ động mở rộng quy mô kinh doanh. B. Quyền tự chủ đăng kí kinh doanh.
C. Quyền kinh doanh đúng ngành nghề. D. Quyền định đoạt tài sản.

Câu 90. Vì con trai là anh C kết hôn đã nhiều năm mà chưa có con nên bà G mẹ anh đã thuyết phục con mình bí mật nhờ chị D vừa li hôn mang thai hộ. Phát hiện việc anh C sống chung như vợ chồng với chị D là do bà G sắp đặt, chị H vợ anh đã tự ý rút toàn bộ số tiền tiết kiệm của gia đình rồi bỏ đi khỏi nhà. Thương con, bà T mẹ chị H sang nhà thông gia mắng chửi bà G. Những ai dưới đây vi phạm nội dung quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình?

- A. Bà G, anh C, bà T và chị H.
- B. Bà G, chị D và anh C.
- C. Bà G, anh C, chị H và chị D.
- D. Bà G, anh C và chị H.

Câu 91. Nội dung nào sau đây **không phải** là quyền bình đẳng trong kinh doanh?

- A. Quyền chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề.
- B. Quyền tự chủ đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.
- C. Quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.
- D. Quyền tự do lựa chọn, tìm kiếm việc làm.

Câu 92. Ý nào sau đây **không** thuộc nội dung bình đẳng trong lao động?

- A. Bình đẳng giữa những người sử dụng lao động.
- B. Bình đẳng trong thực hiện quyền lao động.
- C. Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.
- D. Bình đẳng giữa người sử dụng lao động và người lao động.

Câu 93. Quan điểm nào dưới đây là sai khi nói về nội dung quyền bình đẳng giữa các tôn giáo?

- A. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ công dân.
- B. Phải nộp thuế hàng năm khi tham gia tôn giáo.
- C. Hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật.
- D. Có quyền theo hoặc không theo tôn giáo nào.

Câu 94. Khi yêu cầu vợ mình phải nghỉ việc để chăm sóc gia đình, anh A đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ

- A. nhân thân.
- B. tình cảm.
- C. tài sản riêng.
- D. tài sản chung.

Câu 95. Nội dung nào sau đây **không đúng** khi nói về quyền bình đẳng giữa các dân tộc về chính trị?

- A. Các dân tộc đều được góp ý các vấn đề chung của cả nước.
- B. Các dân tộc đều được quản lý nhà nước và xã hội.
- C. Các dân tộc đều được bầu cử, ứng cử.
- D. Các dân tộc thiểu số không được đi bầu cử.

Câu 96. Bình đẳng giữa vợ và chồng được thể hiện trong quan hệ

- A. thân nhân và tài sản.
- B. nhân thân và tài sản.
- C. tài sản và gia đình.
- D. nhân thân và gia đình.

Câu 97. Bình đẳng trong thực hiện quyền lao động nghĩa là mọi người đều

- A. có quyền làm việc cho bất cứ người nào mình thích.
- B. có quyền làm bất kì việc nào mình thích.
- C. có quyền làm việc ở bất cứ nơi đâu mình muốn.
- D. có quyền tìm kiếm, lựa chọn việc làm đúng pháp luật.

Câu 98. Sau thời gian nghỉ thai sản, chị B đến công ty làm việc thì nhận được quyết định chấm dứt hợp đồng lao động của giám đốc công ty. Giám đốc công ty đã vi phạm

- A. quyền tự do lựa chọn việc làm.
- B. bình đẳng về cơ hội tiếp cận việc làm.
- C. bình đẳng trong tự do sử dụng sức lao động.
- D. giao kết hợp đồng lao động.

Câu 99. Anh M và anh Q cùng nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh. Biết hồ sơ của mình chưa đủ điều kiện theo

quy định, anh M đã nhờ lãnh đạo cơ quan chức năng là ông C giúp đỡ. Ông C đã chỉ đạo nhân viên dưới quyền là chị S làm giả một số giấy tờ để hoàn thiện hồ sơ rồi cấp phép kinh doanh cho anh M. Thấy anh M được cấp phép kinh doanh trong khi hồ sơ của mình đủ điều kiện nhưng lại chưa được cấp phép, anh Q đã tung tin anh M chuyên bán hàng giả. Những ai sau đây vi phạm quyền bình đẳng trong kinh doanh?

A. Anh M, ông C, chị S và anh Q.

B. Anh M, ông C và chị S.

C. Ông C, chị S và anh Q.

D. Anh M, ông C và anh Q.

Câu 100. Bác sĩ H được thừa kế riêng một mảnh đất kế bên ngôi nhà gia đình chị đang ở. Khi em trai kết hôn, bác sĩ H tặng lại vợ chồng người em mảnh đất đó dù chồng chị không tán thành. Bác sĩ H không vi phạm quyền bình đẳng hôn nhân và gia đình trong quan hệ nào dưới đây?

A. Nhân thân.

B. Tài sản.

C. Giám hộ.

D. Kinh doanh.

Câu 101. Công dân được tham gia vào quản lý nhà nước và xã hội, tham gia vào bộ máy nhà nước, thảo luận, góp ý các vấn đề chung của đất nước là thể hiện bình đẳng giữa dân tộc về

A. xã hội.

B. chính trị.

C. văn hóa.

D. kinh tế.

Câu 102. Vợ và chồng bình đẳng với nhau được hiểu là

A. vợ chăm lo nội trợ, giáo dục con cái.

B. vợ, chồng có nghĩa vụ và quyền hạn ngang nhau về mọi mặt trong gia đình.

C. chồng có quyền quyết định đối với tài sản chung, có giá trị lớn trong gia đình.

D. vợ, chồng tự do thể hiện quyền trong gia đình.

Câu 103. Nhà nước tạo mọi điều kiện để công dân thuộc các dân tộc khác nhau đều được bình đẳng về cơ hội học tập là thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

A. giáo dục.

B. kinh tế.

C. văn hóa.

D. xã hội.

Câu 104. Nội dung nào dưới đây không thể hiện quyền bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ

A. Có cơ hội tiếp cận việc làm như nhau.

B. Không phân biệt điều kiện làm việc.

C. Có tiêu chuẩn và độ tuổi tuyển dụng như nhau.

D. Được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc.

Câu 105. Các dân tộc trong một quốc gia không phân biệt đa số hay thiểu số đều được nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển là nội dung thuộc quyền bình đẳng giữa các

A. dân tộc.

B. tổ chức.

C. tôn giáo.

D. cá nhân.

Câu 106. Theo quy định của pháp luật, vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, thể hiện ở các quyền

A. chiếm đoạt, định đoạt, toàn quyền sử dụng.

B. chiếm đoạt, sử dụng và định giá.

C. chiếm hữu, sử dụng và định đoạt.

D. chiếm hữu và toàn quyền định đoạt.

Câu 107. Các dân tộc sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam không phân biệt đa số, thiểu số, trình độ phát triển cao hay thấp đều có đại biểu của mình trong hệ thống các cơ quan nhà nước là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc về

A. chính trị.

B. văn hóa.

C. xã hội.

D. kinh tế.

Câu 108. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc không bao gồm nội dung nào dưới đây?

A. Bình đẳng về xã hội.

B. Bình đẳng về chính trị.

C. Bình đẳng về văn hóa giáo dục.

D. Bình đẳng về kinh tế.

Câu 109. Theo quy định của pháp luật, vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc lựa chọn nơi cư trú là thể hiện sự bình đẳng trong

A. quan hệ gia đình.

B. quan hệ tài sản.

C. quan hệ nhân thân.

D. quan hệ thân nhân.

Câu 110. Việc đảm bảo ti lệ thích hợp người dân tộc thiểu số trong các cơ quan quyền lực nhà nước là thể hiện quyền bình đẳng

- A. giữa các tôn giáo. B. giữa các dân tộc. C. giữa các công dân. D. giữa các vùng miền.

Câu 111. Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là các tôn giáo ở Việt Nam đều có quyền tự do hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ của

- A. đạo pháp. B. giáo hội. C. hội thánh. D. pháp luật.

Câu 112. Những chính sách phát triển kinh tế - xã hội mà Nhà nước ban hành cho vùng đồng bào dân tộc và miền núi, vùng sâu, vùng xa là thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

- A. chính trị. B. xã hội. C. văn hóa giáo dục. D. kinh tế.

Câu 113. Việc nhà nước tạo điều kiện cho các dân tộc, vùng miền giữ gìn lại nét đẹp truyền thống của mình: Ca trù Phú Thọ, Quan họ Bắc Ninh, nhã nhạc cung đình Huế, đờn ca tài tử... Điều này thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực

- A. kinh tế. B. chính trị. C. văn hoá. D. giáo dục.

Câu 114. Sau khi cưới chị A về, anh B đã yêu cầu vợ mình bỏ đạo Thiên chúa để theo đạo Phật. Vậy anh A đã vi phạm

- A. quyền bình đẳng giữa các cơ sở tôn giáo. B. quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.
C. quyền bình đẳng giữa các quan niệm. D. quyền bình đẳng giữa các tín ngưỡng.

Câu 115. Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật được Nhà nước

- A. bảo hộ. B. bảo vệ. C. bảo đảm. D. bảo bọc.

Câu 116. Nội dung nào sau đây **không thể hiện** quyền bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau

- A. Được hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.
B. Là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế.
C. Doanh nghiệp nhà nước được ưu tiên phát triển.
D. Được khuyến khích, phát triển lâu dài.

Câu 117. Công dân Việt Nam thuộc bất kì dân tộc nào đang sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam đều được hưởng quyền và nghĩa vụ ngang nhau. Khẳng định này đề cập đến nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Quyền bình đẳng giữa các giai cấp. B. Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.
C. Quyền bình đẳng giữa các công dân. D. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

Câu 118. Bình đẳng giữa các dân tộc là điều kiện để khắc phục sự chênh lệch về

- A. kêu gọi đầu tư. B. năng lực cạnh tranh.
C. trình độ phát triển. D. tiến trình hội nhập.

Câu 119. Bình đẳng trong kinh doanh nghĩa là bình đẳng trong

- A. tìm kiếm việc làm. B. quyền làm việc.
C. lựa chọn việc làm. D. lựa chọn ngành nghề.

Câu 120. Chị N và anh M thừa chuyện với hai gia đình để được kết hôn với nhau nhưng bố chị N là ông K không đồng ý và đã cản trở hai người vì chị N theo đạo Thiên chúa, còn anh M lại theo đạo Phật. Hành vi của ông K vi phạm nội dung quyền bình đẳng nào dưới đây của công dân?

- A. Phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo. B. Tôn trọng quyền tự do cá nhân.
C. Không thiên chí với tôn giáo. D. Lạm dụng quyền hạn.

— HẾT —

ĐÁP ÁN ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn thi: Lịch sử
Thời gian làm bài: 50 phút.

Câu	Mã đề gốc 1	Mã đề 121	Mã đề 123	Mã đề 125	Mã đề 127	Mã đề gốc 2	Mã đề 122	Mã đề 124	Mã đề 126	Mã đề 128	Mã đề 129
1	D	B	B	A	D	C	C	C	C	D	D
2	A	B	C	B	B	C	D	C	C	B	A
3	A	A	C	A	B	B	B	B	B	D	A
4	B	B	B	A	C	A	D	D	A	D	B
5	B	C	D	D	C	B	C	B	D	A	B
6	C	C	D	D	C	B	B	A	C	D	C
7	A	C	A	B	A	B	D	D	B	C	A
8	C	A	B	A	D	A	B	A	C	A	C
9	B	A	C	C	A	D	A	D	A	B	B
10	A	D	C	A	D	B	C	A	D	D	A
11	A	A	A	C	B	D	D	B	D	A	A
12	B	A	D	B	D	B	D	C	C	B	B
13	A	A	C	D	B	A	A	C	D	C	A
14	B	C	D	C	A	B	A	A	D	C	B
15	C	B	C	A	D	A	B	A	A	A	C
16	D	D	D	D	B	B	B	C	A	D	D
17	D	C	C	C	C	B	D	A	A	C	D
18	B	B	A	D	D	B	B	B	D	B	B
19	A	A	B	C	C	B	C	B	C	C	A
20	B	C	B	D	C	B	D	B	A	B	B
21	B	C	D	B	D	C	D	C	A	D	C
22	C	A	A	B	C	D	D	A	B	B	D
23	A	D	B	B	C	C	B	B	A	C	C
24	A	B	D	A	B	A	D	B	C	B	A
25	A	A	D	A	C	A	B	B	D	C	A
26	B	D	B	A	C	A	C	D	A	D	A
27	D	B	C	A	C	D	B	C	B	B	D
28	C	A	B	A	B	D	A	D	C	B	D
29	C	A	D	A	A	C	A	D	C	A	C
30	D	C	C	D	C	C	D	C	A	C	C
31	C	A	A	D	B	D	C	D	D	A	D
32	A	B	C	D	A	A	D	B	D	B	A
33	C	A	D	D	B	A	A	C	A	D	A
34	D	B	C	C	C	C	D	D	B	B	C
35	C	B	B	A	C	C	B	A	B	A	C
36	C	C	B	C	A	B	D	D	C	A	B
37	D	B	B	A	D	A	C	A	A	A	A
38	C	D	D	B	D	B	A	B	A	A	B
39	C	C	B	A	D	B	D	C	A	D	B
40	D	C	A	C	A	A	A	A	C	C	A

Phon

ll

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
Trường THPT NGUYỄN QUỐC TRINH
ĐÁP ÁN KTCK1 - ĐỊA LÍ 12

Câu	122	124	126	128	121	123	125	125
41	A	C	B	D	A	D	D	A
42	D	A	A	C	B	A	C	C
43	C	A	D	B	B	A	D	C
44	A	A	B	B	C	B	D	B
45	A	C	B	B	D	B	D	D
46	C	D	B	D	D	D	A	A
47	B	A	B	D	C	C	B	A
48	B	B	A	A	B	A	A	B
49	D	C	B	C	D	B	C	C
50	C	C	B	C	A	D	C	A
51	A	B	B	D	A	A	C	B
52	D	D	C	C	C	B	D	B
53	A	C	C	D	C	C	A	C
54	B	C	A	A	B	B	C	C
55	C	D	B	C	A	D	C	B
56	D	C	B	D	D	C	D	C
57	C	C	D	C	B	D	B	A
58	D	C	A	A	C	C	A	D
59	C	B	D	C	A	C	B	D
60	A	C	D	B	C	D	A	C
61	D	C	B	A	A	C	A	C
62	D	C	B	A	C	B	C	A
63	A	A	C	D	C	B	D	D
64	D	C	D	A	C	D	A	C
65	A	D	C	B	B	C	B	D
66	C	B	A	D	C	D	B	D
67	A	C	A	D	D	A	D	D
68	C	C	A	D	A	A	B	B
69	A	B	C	C	B	A	B	A
70	B	C	A	B	A	B	B	C
71	C	B	C	A	D	A	D	C
72	C	D	D	D	A	D	B	A
73	B	A	C	D	B	C	C	D
74	C	B	B	A	A	D	D	D
75	B	C	C	B	D	A	B	A
76	A	B	C	A	D	D	D	C
77	C	B	B	D	B	B	C	A
78	A	B	C	C	B	A	B	D
79	A	A	C	D	B	B	C	B
80	C	D	B	C	C	A	C	D

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT NGUYỄN QUỐC TRINH

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KÌ I NĂM 2023 - 2024
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN - LỚP 12

Câu	Đề gốc 01	Đề gốc 02	121	122	123	124	125	126	127	128	129
81	A	B	D	B	C	A	D	C	B	B	A
82	C	A	B	A	A	D	C	B	A	A	C
83	B	B	A	A	D	B	A	A	B	D	B
84	A	B	A	C	C	A	A	B	A	B	A
85	B	C	D	A	A	D	B	C	D	D	B
86	A	B	C	C	A	C	B	A	A	D	A
87	D	C	B	D	D	C	D	B	B	A	D
88	B	A	C	D	A	D	A	C	B	C	B
89	A	A	A	B	B	B	D	C	C	D	A
90	A	D	D	B	A	C	D	D	D	D	A
91	B	D	D	B	A	A	B	D	D	D	B
92	D	A	A	D	A	A	D	A	D	D	D
93	C	C	B	B	D	A	C	A	A	C	C
94	B	B	A	D	C	A	D	C	B	C	B
95	C	B	D	A	D	C	C	A	C	B	C
96	C	A	B	B	A	D	B	B	D	B	C
97	A	B	D	A	A	D	A	D	A	B	A
98	B	C	D	D	D	A	D	C	D	B	B
99	C	B	B	C	C	B	C	A	C	B	C
100	D	A	B	C	C	A	D	A	D	C	A
101	A	D	B	C	C	D	B	A	D	A	D
102	A	D	B	D	D	C	C	B	B	C	D
103	C	D	A	C	C	B	B	A	B	B	D
104	D	A	B	A	A	D	B	C	B	D	A
105	B	A	A	A	D	A	A	C	A	B	A
106	C	B	C	D	D	B	C	C	B	D	B
107	A	A	A	A	C	A	D	C	C	A	A
108	B	B	A	A	A	A	D	B	D	D	B
109	C	C	C	A	C	A	A	C	D	D	C
110	D	D	B	D	C	A	C	C	B	C	D
111	A	A	D	A	D	C	C	C	D	A	A
112	A	B	D	C	A	C	C	C	D	D	B
113	B	D	C	C	D	C	C	B	B	D	D
114	C	A	B	D	C	B	C	C	B	D	A
115	A	B	C	C	B	C	D	B	C	D	B
116	A	D	C	A	A	A	A	B	C	D	D
117	B	C	D	B	B	D	D	C	A	B	C
118	C	D	C	B	A	B	B	C	C	C	D
119	C	C	D	D	B	B	A	C	A	C	C
120	D	A	A	C	D	C	D	C	D	D	A